

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2024

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
1	1001	Ngô Thị Ngà	Nữ	15/01/2000	Vi sinh vật học	11	54	65	
2	1002	Khuất Duy An	Nam	14/08/2002	Sinh học thực nghiệm	13	75	88	
3	1003	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	31/03/1999	Sinh học thực nghiệm	11	64	75	Thi VNU test
4	1004	Vũ Hà Phương	Nữ	25/3/2002	Sinh học thực nghiệm	10	65	75	
5	1005	Nguyễn Thu Uyên	Nữ	6/9/2001	Sinh học thực nghiệm	10	71	81	
6	1006	Nguyễn Quang Dũng	Nam	8/7/1999	Di truyền học	11	63	74	
7	1007	Tô Ngọc Mai	Nữ	1/10/2002	Di truyền học	13	42	55	
8	1008	Nguyễn Hải Anh	Nam	2/10/2000	Công nghệ sinh học	13	47	60	
9	1009	Nguyễn Kim Anh	Nữ	8/9/2001	Công nghệ sinh học	11	61	72	
10	1010	Phùng Hải Linh	Nữ	22/2/1993	Công nghệ sinh học	10	66	76	
11	1011	Nguyễn Thị Mây	Nữ	11/7/2000	Công nghệ sinh học	13		13	Bỏ thi
12	1012	Cao Thị Thu Trang	Nữ	29/10/2000	Công nghệ sinh học	11		11	Bỏ thi
13	1013	Ngô Anh Tuấn	Nam	28/2/2001	Công nghệ sinh học	11	70	81	
14	1014	Đỗ Lan Anh	Nữ	16/4/2002	Vật lý	10	53	63	
15	1015	Trần Ngọc Anh	Nữ	12/10/2001	Vật lý	16	70	86	
16	1016	Trương Đức Anh	Nam	30/5/2001	Vật lý	10	45	55	
17	1017	Vũ Thị Châm	Nữ	10/6/2002	Vật lý	11	62	73	
18	1018	Ngô Mỹ Hoa	Nữ	26/3/2002	Vật lý	11	50	61	
19	1019	Đinh Thị Kim Huệ	Nữ	22/9/2002	Vật lý	10	50	60	
20	1020	Đoàn Thị Huyền	Nữ	14/7/2002	Vật lý	11	45	56	
21	1021	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	10/11/2002	Vật lý	11	67	78	
22	1022	Hà Thị Thùy Linh	Nữ	11/9/2002	Vật lý	14	50	64	
23	1023	Lê Trần Quang Linh	Nam	21/1/1999	Vật lý	14	50	64	
24	1024	Nguyễn Xuân Lộc	Nam	29/12/2001	Vật lý	10	60	70	
25	1025	Phạm Thị Mai	Nữ	28/5/2002	Vật lý	10	53	63	
26	1026	Hà Nam Tiến	Nam	31/12/2000	Vật lý	11	48	59	
27	1027	Vương Thị Thùy Trang	Nữ	21/10/2001	Vật lý	10	47	57	
28	1028	Thiều Lê Minh Châu	Nữ	7/5/2002	Hoá học	11	39	50	
29	1029	Tô Thị Duyên	Nữ	19/2/2002	Hoá học	10	63	73	
30	1030	Phạm Ánh Dương	Nữ	7/7/2002	Hoá học	11	60	71	
31	1031	Nguyễn Đình Đăng	Nam	10/1/1991	Hoá học	12	73	85	Thi VNU test
32	1032	Nguyễn Quang Đức	Nam	20/1/1999	Hoá học	10	65	75	
33	1033	Mai Việt Giang	Nam	22/9/2002	Hoá học	10	69	79	
34	1034	Bùi Mai Hoa	Nữ	16/4/2002	Hoá học	13	69	82	
35	1035	Nguyễn Thế Kiệt	Nam	25/12/2002	Hoá học	12	63	75	
36	1036	Phạm Đỗ Quỳnh Anh	Nữ	27/8/2001	Hoá phân tích	10	51	61	
37	1037	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	29/1/2002	Hoá phân tích	13	52	65	
38	1038	Nguyễn Việt Cường	Nam	11/7/1999	Hoá phân tích	12	73	85	
39	1039	Trịnh Hải Minh	Nam	27/6/2002	Hoá phân tích	13	50	63	
40	1040	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	1/4/2002	Hoá phân tích	11	70	81	
41	1041	Đỗ Yến Nhi	Nữ	23/8/2002	Hoá phân tích	16	60	76	
42	1042	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	19/1/2002	Hoá phân tích	13	60	73	
43	1043	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	18/1/2001	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	16	75	91	
44	1044	Nguyễn Đăng Quang	Nam	4/11/1999	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	11	75	86	
45	1045	Nguyễn Thị Thảo Vân	Nữ	23/7/2000	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	15	71	86	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
46	1046	Bùi Thị Yến	Nữ	15/4/2002	Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý	11	69	80	
47	1047	Phạm Ngọc Bách	Nam	14/2/1996	Khí tượng và khí hậu học	19	73	92	
48	1048	Mai Đức Hoàng	Nam	22/12/2002	Thủy văn học	11	60	71	
49	1049	Phạm Thị Quỳnh Oanh	Nữ	29/1/1994	Hải dương học	16	67	83	
50	1050	Nguyễn Tuấn Đức	Nam	26/4/1999	Khoa học môi trường	15	60	75	
51	1051	Trương Mỹ Gấm	Nữ	21/8/2000	Khoa học môi trường	11	76	87	
52	1052	Nguyễn Vũ Trung Kiên	Nam	12/7/2001	Khoa học môi trường	12	71	83	
53	1053	Lê Minh Phụng	Nữ	14/9/2001	Khoa học môi trường	18	75	93	
54	1054	Đỗ Khánh Huyền	Nữ	15/10/2002	Toán học	16	21	37	
55	1055	Nguyễn Phan Minh	Nam	23/3/1999	Toán học	11	45	56	
56	1056	Hoàng Huyền Trang	Nữ	24/9/2002	Toán học	13	50	63	
57	1057	Nguyễn Đức Anh	Nam	4/2/1995	Khoa học dữ liệu	11	70	81	
58	1058	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	16/3/2000	Khoa học dữ liệu	15	50	65	
59	1059	Phạm Quốc Anh	Nam	4/2/1997	Khoa học dữ liệu	14	50	64	
60	1060	Trần Vi Anh	Nữ	14/1/1999	Khoa học dữ liệu	10	62	72	
61	1061	Trương Hà Ngân Anh	Nữ	5/8/1997	Khoa học dữ liệu	10	65	75	
62	1062	Nguyễn Gia Bách	Nam	19/12/1999	Khoa học dữ liệu	14	68	82	
63	1063	Dương Đức Cường	Nam	30/4/2002	Khoa học dữ liệu	15	62	77	
64	1064	Nguyễn Trường Danh	Nam	12/11/2002	Khoa học dữ liệu	19	62	81	
65	1065	Nguyễn Hà Doanh	Nam	4/8/2001	Khoa học dữ liệu	11	50	61	
66	1066	Dương Văn Dũng	Nam	22/3/1996	Khoa học dữ liệu	14	75	89	
67	1067	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	2/9/2001	Khoa học dữ liệu	10	45	55	
68	1068	Nguyễn Việt Dũng	Nam	18/3/2002	Khoa học dữ liệu	15	70	85	
69	1069	Phan Bá Dũng	Nam	10/7/1999	Khoa học dữ liệu	10	70	80	
70	1070	Phan Thúc Định	Nam	1/3/1992	Khoa học dữ liệu	11	65	76	
71	1071	Đào Trọng Đức	Nam	27/6/1999	Khoa học dữ liệu	11	35	46	
72	1072	Vũ Thị Phương Giang	Nữ	16/1/1997	Khoa học dữ liệu	15	78	93	
73	1073	Hoàng Thị Hào	Nữ	19/4/2002	Khoa học dữ liệu	10	60	70	
74	1074	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nữ	20/2/2001	Khoa học dữ liệu	13	70	83	
75	1075	Trần Xuân Hiền	Nam	17/12/1998	Khoa học dữ liệu	11	35	46	
76	1076	Phạm Bá Ngọc Hiền	Nam	30/3/1999	Khoa học dữ liệu	15	65	80	
77	1077	Đào Đức Hiếu	Nam	20/10/1995	Khoa học dữ liệu	10	65	75	
78	1078	Lê Minh Hiếu	Nam	26/2/2002	Khoa học dữ liệu	12	65	77	
79	1079	Lê Huy Hoàng	Nam	4/5/1999	Khoa học dữ liệu	15	70	85	
80	1080	Lôi Giang Huy	Nam	5/7/1999	Khoa học dữ liệu	12	75	87	
81	1081	Phạm Quang Hưng	Nam	8/5/1996	Khoa học dữ liệu	12	70	82	
82	1082	Vũ Minh Hưng	Nam	17/10/1994	Khoa học dữ liệu	15	40	55	
83	1083	Nguyễn Minh Khuyên	Nữ	4/4/2000	Khoa học dữ liệu	13		13	Bỏ thi
84	1084	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	6/4/2002	Khoa học dữ liệu	12	69	81	
85	1085	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	12/12/1996	Khoa học dữ liệu	12	85	97	
86	1086	Nguyễn Tiến Linh	Nam	10/12/1992	Khoa học dữ liệu	10	65	75	
87	1087	Trần Mỹ Linh	Nữ	14/1/2000	Khoa học dữ liệu	16	67	83	
88	1088	Đinh Hải Lương	Nữ	29/12/2000	Khoa học dữ liệu	15	63	78	
89	1089	Vũ Hà Ly	Nữ	13/11/2000	Khoa học dữ liệu	15		15	Bỏ thi
90	1090	Bùi Thanh Mai	Nữ	17/5/1999	Khoa học dữ liệu	16	71	87	
91	1091	Tào Lê Minh	Nam	12/7/1994	Khoa học dữ liệu	12	66	78	
92	1092	Mai Trọng Nghĩa	Nam	5/10/1998	Khoa học dữ liệu	11	69	80	
93	1093	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	10/8/2001	Khoa học dữ liệu	11	60	71	
94	1094	Đoàn Trung Nguyên	Nam	18/9/2000	Khoa học dữ liệu	13	30	43	
95	1095	Nguyễn Đắc Quán	Nam	1/12/2002	Khoa học dữ liệu	10	35	45	
96	1096	Vì Anh Quân	Nam	20/3/2002	Khoa học dữ liệu	13	70	83	
97	1097	Vũ Hồng Quân	Nam	15/9/1996	Khoa học dữ liệu	17	75	92	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm HS	Điểm PV	Tổng điểm	Ghi chú
98	1098	Nguyễn Thị Quý	Nữ	10/6/2000	Khoa học dữ liệu	13	72	85	
99	1099	Triệu Thị Như Quỳnh	Nữ	2/1/1996	Khoa học dữ liệu	10	55	65	
100	1100	Nguyễn Năng Tài	Nam	20/10/1997	Khoa học dữ liệu	11	36	47	
101	1101	Bùi Duy Tân	Nam	17/11/2002	Khoa học dữ liệu	16	68	84	
102	1102	Vũ Thị Ngọc Thành	Nữ	12/7/2002	Khoa học dữ liệu	16	30	46	
103	1103	Ngô Thị Thanh Thảo	Nữ	27/11/2000	Khoa học dữ liệu	15	35	50	
104	1104	Nguyễn Minh Thúy	Nữ	8/3/1998	Khoa học dữ liệu	16	65	81	
105	1105	Nguyễn Hương Trà	Nữ	2/1/2001	Khoa học dữ liệu	15	60	75	
106	1106	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	19/1/1997	Khoa học dữ liệu	17	73	90	
107	1107	Vũ Thị Hà Trang	Nữ	12/5/1995	Khoa học dữ liệu	14	60	74	
108	1108	Vũ Thị Kim Trâm	Nữ	25/11/2000	Khoa học dữ liệu	16	60	76	
109	1109	Hoàng Nhật Tuấn	Nam	12/9/2000	Khoa học dữ liệu	13	27	40	
110	1110	Lê Anh Tuấn	Nam	27/10/2001	Khoa học dữ liệu	16	63	79	
111	1111	Lê Anh Tuấn	Nam	7/12/2002	Khoa học dữ liệu	10	12	22	
112	1112	Trần Anh Tuấn	Nam	7/2/1998	Khoa học dữ liệu	11		11	Bỏ thi
113	1113	Lê Thanh Tùng	Nam	13/12/1994	Khoa học dữ liệu	13	70	83	Thi VNU test
114	1115	Trịnh Hà Vy	Nữ	27/8/2001	Khoa học dữ liệu	15	65	80	
115	1116	Lê Hà My	Nữ	19/7/2001	Toán ứng dụng	10	45	55	
116	1117	Nguyễn Thị Nga	Nữ	12/10/1998	Phương pháp toán sơ cấp (ĐH ứng dụng)	10	45	55	Thi VNU test
117	1118	Đỗ Thị Hồng Nhung	Nữ	20/1/2001	Phương pháp toán sơ cấp (ĐH ứng dụng)	11	70	81	
118	1119	Nguyễn Trịnh Tam	Nam	1/4/2002	Phương pháp toán sơ cấp (ĐH ứng dụng)	12	30	42	
119	1120	Trần Hiếu Nghĩa	Nam	23/1/1999	Kỹ thuật hoá học	18	68	86	
120	1121	Ngô Quang Anh	Nam	29/7/1998	Kỹ thuật môi trường	10	70	80	
121	1122	Nguyễn Quang Linh	Nam	21/6/2002	Kỹ thuật môi trường	12	69	81	
122	1123	Lê Thị Trà My	Nữ	20/9/2001	Kỹ thuật môi trường	13	66	79	
123	1124	Nguyễn Việt Anh	Nam	30/9/2002	Quản lý tài nguyên và môi trường	11	73	84	
124	1125	Vũ Hoàng Hải	Nam	1/1/2002	Quản lý tài nguyên và môi trường	11		11	Bỏ thi
125	1126	Phạm Trần Tuấn Việt	Nam	14/6/2002	Quản lý tài nguyên và môi trường	13	74	87	
126	1127	Vũ Ngọc Minh Châu	Nữ	1/2/2002	Quản lý đất đai	11	65	76	
127	1128	Nguyễn Cẩm Lê	Nữ	1/10/2002	Quản lý đất đai	13	73	86	
128	1129	Hoàng Thị Ngọc Trâm	Nữ	10/4/2000	Quản lý đất đai	10	59	69	
129	1130	Ngô Thị Hiền	Nữ	2/7/1993	Môi trường và phát triển bền vững	11	73	84	

Danh sách gồm 129 thí sinh./.